

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐÓP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **64/2019/HSST**

Ngày: 27/11/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN huyện B TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* bà Lâm Thị Chức

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Lê Phương Ngọc và bà Đỗ Thị Như

*Thư ký phiên tòa :* Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hiền – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2019/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019; Đối với bị cáo:

**NGUYỄN VĂN S**, sinh năm: 2001; HKTT: Ấp T H, xã T Th, huyện B, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc; Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị Ch; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam, từ ngày 06/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Huỳnh Văn K, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Ấp T H, xã T Th, huyện B, tỉnh Bình Phước (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Hoàng Thị T, sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp 8, xã L A, huyện L, tỉnh Bình Phước (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

- Nguyễn Văn T, sinh năm: 1971; địa chỉ: Ấp 10, xã L Th, huyện L, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

- Lê Thanh S, sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp 10, xã L Th, huyện L, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 26/8/2019, NGUYỄN VĂN S, sinh năm 2001 điều khiển xe mô tô (xe tự lắp ráp, không biển số) đi từ huyện L về nhà ở huyện B. Khi đi đến khu vực Ấp T H, xã T Th, huyện B, S thấy nhà anh Huỳnh Văn K khóa cửa ngoài, quan sát thấy nhà không có người trông coi, S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. S dựng xe mô tô ngoài đường, đi đến mở tấm nhựa màu đen che cửa sổ (cửa sổ không có cánh cửa) và chui qua cửa sổ vào trong nhà. S nhìn thấy một ti vi nhãn hiệu TCL, loại 39 inch treo trên tường, S dùng tay tháo ti vi xuống, mở cửa sau đi ra ngoài. Sau đó, S chở ti vi trên đến nhà bà Hoàng Thị T thuộc ấp 8, xã L A, huyện L bán cho bà T với giá 1.000.000 đồng (một triệu). Ngày 04/9/2019, S đến nhà bà T chơi, S nghe bà T nói về việc điện yếu nên không sử dụng ti vi được, đang tìm người bán lại tivi. Khoảng 13 giờ cùng ngày, S đi uống cà phê cùng anh Lê Thanh S1, do biết anh S1 muốn mua ti vi nên S chỉ cho anh S1 mua ti vi của bà T, anh S1 đồng ý. Anh S1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 93F1 – 428.58 (mượn của anh Nguyễn Văn T) chở S đến nhà bà T mua ti vi nhãn hiệu TCL, loại 39 inch với giá 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó, anh S1 chở S ngồi phía sau ôm ti vi về nhà thì bị Công an xã L A, huyện L phát hiện, tạm giữ tang vật và bàn giao lại cho Công an huyện B giải quyết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 59/2019/BKL-ĐGTS ngày 05/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: 01 ti vi nhãn hiệu TCL, loại 39 inch, model: L39B2600D, chất lượng sử dụng 50% là 3.000.000 đồng (ba triệu).

Cáo trạng số: 64/Ctr-VKS ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo NGUYỄN VĂN S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

*Về tội danh và mức hình phạt:* Tuyên bố bị cáo NGUYỄN VĂN S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

*Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại anh Huỳnh Văn K đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Bà Hoàng Thị T, ông Lê Thanh S1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Bị cáo không tham gia tranh luận, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại không tham gia tranh luận.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; Bị hại cũng không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân muốn có tiền tiêu xài bằng con đường bất chính. Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 26/8/2019 NGUYỄN VĂN S lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản đã có hành vi lén lút vào nhà của anh Huỳnh Văn K chiếm đoạt 01 ti vi nhãn hiệu TCL, loại 39 inch trị giá 3.000.000đ (ba triệu đồng) theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B số 59/2019/BKL-ĐGTS ngày 05/9/2019. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng hành vi, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu cá nhân một cách nhanh chóng mà không phải bỏ sức lao động, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Xét tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cần xử phạt bị cáo với mức án tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; HĐXX cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét nhân thân bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu cụ thể: Ngày 21/3/2018, bị Công an xã Tân Thành xử phạt 375.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 17/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên hành vi phạm tội của bản án trước chưa được đưa ra xét xử thì ngày 26/8/2019 bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nên hành vi phạm tội lần này không được xem là tiền án và cũng không buộc bị cáo phải chấp hành của bản án trước và tổng hợp tổng hợp hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của BLHS, nhưng cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo không tốt. HĐXX cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với bà Hoàng Thị T, khi mua ti vi từ bị cáo S bà không biết đây là tài sản trộm cắp mà có. Ngày 08/10/2019, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và bà T nhưng không xác định được việc mua bán giữa S và bà T. Nhận thấy việc mua bán giữa S và bà T chỉ có S và bà T thỏa thuận với nhau, không ai nhìn thấy, đồng thời S khai nhận bà T không biết ti vi là do S trộm cắp mà có. Vì vậy không đề cập xử lý đối với bà Hoàng Thị T là có căn cứ. HĐXX không xét.

Đối với anh Lê Thanh S1 đã có hành vi mua lại ti vi nhãn hiệu TCL, loại 39 inch, tuy nhiên, S1 không biết ti vi là do S trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Huỳnh Văn K đã nhận lại tài sản bị mất (theo biên bản giao nhận về việc trả lại đồ vật, tài liệu tại Công an huyện B ngày 26/9/2019) và bị hại không có yêu cầu gì. Đối với số tiền 1.200.000đồng anh S1 đưa cho bị cáo để trả bà T, trong quá trình giải quyết vụ án anh S1 không yêu cầu bị cáo trả lại. HĐXX không xét.

[8] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX; HĐXX chấp nhận.

[9] Về vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển số 93F1 – 428.58 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T; số tiền 500.000 đồng là tiền cá nhân của Lê Thanh S1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho S1; một xe mô tô (xe tự lắp ráp, không biển số) bị cáo điều khiển đi trộm cắp tài sản, sau đó bị cáo đã bán cho một người mua ve chai (không rõ nhân thân lai lịch), Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đề cập là có cơ sở. HĐXX không xét .

[10] Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**[1].** Tuyên bố bị cáo **NGUYỄN VĂN S** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **NGUYỄN VĂN S** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 06/9/2019).

**[2].** Án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**[3].** Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Lâm Thị Chức**